

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2021
“V/v: *Kiện ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Ksor Af Lai và bà Trần Thị Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện

H.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H:* Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “*Kiện ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L - sinh năm 1989. Trú tại: Thôn 3, xã D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H1 - sinh năm 1990. Trú tại: Thôn 3, xã D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh H1 chung sống với nhau vào 2012, có đăng ký kết hôn UBND xã D, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi và anh H1 hay cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh H1 không quan tâm đến vợ con. Nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1.

Về con chung: Tôi và anh H1 có 01 con chung: Cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 04/02/2013. Nếu ly hôn thì chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu.

Tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của các cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 04/02/2013 trình bày là có nguyện vọng được ở với chị L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập H1 lệ anh H1 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh H1 về yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa, anh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. chị L được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Giao Nguyễn Chí Kiên, sinh ngày 04/02/2013 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại chị L không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh H1 đã được Tòa án đã triệu tập H1 lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H1 chung sống với nhau vào năm

2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân H1 pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của chị L, cũng như xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L và anh H1 sinh sống, đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị L, anh H1 thường xảy ra mâu thuẫn và kéo dài, quá trình mâu thuẫn không báo với chính quyền địa phương nên không biết rõ nguyên nhân. Hiện anh H1 đang đi làm xa, lâu lâu có về thăm con. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh H1 ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh H1 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Nếu ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi các con chung. Hiện anh H1 đã đi làm xa, chị L là người đang trực tiếp nuôi con chung, ý kiến của cháu Nguyễn Chí Kiên, sinh ngày 04/02/2013 trình bày là có nguyện vọng được ở với chị L. Vì vậy, cần giao cháu con chung cho chị L chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L. chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 04/02/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh H1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện H theo Biên lai số 60AA/2021/0000078 ngày 22/4/2021.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
 - Viện KSND huyện H;
 - Thi hành án huyện H;
 - Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
 - UBND xã D
- (Số 52/2012; Quyển 02)
- Lưu hồ sơ, VT.

Đỗ Xuân Cường